

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng
tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp cửa khẩu Bình Hiệp (giai đoạn 1)
trong Khu kinh tế cửa khẩu Long An, xã Bình Hiệp,
xã Bình Tân; thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-TTg ngày 07/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Long An, tỉnh Long An đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 51/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Long An về việc thông qua đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp cửa khẩu Bình Hiệp (giai đoạn 1) trong Khu kinh tế cửa khẩu Long An, xã Bình Hiệp, xã Bình Tân, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An;

Xét Tờ trình số 69/TTr-UBND ngày 30/5/2016 của UBND thị xã Kiến Tường; văn bản số 26/TĐ-SXD ngày 11/11/2016 và văn bản số 180/SXD-QHKT ngày 18/01/2017 của Sở Xây dựng về việc báo cáo kết quả thẩm định và trình phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp cửa khẩu Bình Hiệp (giai đoạn 1) trong Khu kinh tế cửa khẩu Long An, xã Bình Hiệp, xã Bình Tân; thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp cửa khẩu Bình Hiệp (giai đoạn 1) trong Khu kinh tế cửa khẩu Long An, xã Bình Hiệp, xã Bình Tân; thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An, với nội dung như sau:

1. Vị trí, giới hạn, diện tích

- Khu đất quy hoạch Khu công nghiệp cửa khẩu Bình Hiệp (giai đoạn 1) trong Khu kinh tế cửa khẩu Long An nằm trên địa bàn xã Bình Hiệp, xã Bình Tân; thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An có vị trí tiếp giáp như sau:

- + Phía Bắc giáp kênh Quốc phòng.
- + Phía Nam giáp đường tỉnh 831 (Quốc lộ N1) và ruộng lúa.
- + Phía Đông giáp kênh Bảy Sung.
- + Phía Tây giáp ruộng lúa.
- Tổng diện tích khu đất quy hoạch: **168,5ha.**

2. Tính chất khu công nghiệp

- Nhóm các dự án sản xuất vật liệu xây dựng:

Cầu kiện bê tông dự ứng lực, ống cống, bắc thấm xử lý nền móng (ngoại trừ các dự án sản xuất xi măng, dự án nghiền clinker sản xuất xi măng).

- Nhóm các dự án về dầu khí:

- + Mua bán, chiết nạp khí hóa lỏng.
- + Trạm khí đốt hóa lỏng.

- Nhóm các dự án về cơ khí:

- + Sản xuất các dụng cụ, chi tiết, thiết bị thay thế.
- + Sản xuất các thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- + Sản xuất phụ tùng và lắp ráp ô tô, xe máy.
- + Lắp ráp các loại máy đặc chủng, máy nông nghiệp.
- + Sản xuất các cầu kiện kim loại như thùng, bể chứa, nồi hơi.

- Nhóm các dự án chế biến gỗ, sản xuất thủy tinh, gốm sứ:

- + Sản xuất, gia công các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa; chế biến gỗ (không ngâm tẩm); gia công hàng thủ công mỹ nghệ.
- + Sản xuất thủy tinh, gốm sứ.

- Nhóm các dự án sản xuất, chế biến thực phẩm:

- + Chế biến các sản phẩm từ sữa, gia súc, gia cầm.
- + Chế biến hàng thủy hải sản.
- + Sản xuất thức ăn nhanh (mì ăn liền,...)

- Nhóm các dự án chế biến nông sản:

- + Chế biến rau quả các loại.
- + Chế biến trà, hạt điều, ca cao, cà phê, hạt tiêu.
- + Sản xuất, chế biến nông sản, tinh bột các loại.

- Nhóm các dự án chế biến thức ăn chăn nuôi:

- + Sản xuất, chế biến chất dinh dưỡng; thức ăn gia súc, gia cầm; thức ăn thủy sản.

- Nhóm các dự án về dệt nhuộm và may mặc:

- + Sản xuất hàng may mặc, da và giả da (không thuộc da); sản xuất giày da; sản xuất sản phẩm dệt may.

+ Loại hình dệt nhuộm chỉ tiếp nhận 01 dự án theo chủ trương của UBND tỉnh với tổng diện tích trên toàn khu công nghiệp khoảng 15ha. Khi doanh nghiệp đi vào hoạt động, phải xây dựng khu xử lý nước thải tập trung đạt Quy chuẩn Việt Nam QCVN 40:2011/BTNMT giới hạn A dẫn ra hồ điều hòa để kiểm soát trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Nhóm các dự án về hóa chất, dược phẩm, mỹ phẩm, nhựa:

+ Chất hồ vải, chất phân tán đều màu, chất làm mềm vải, chất lưu màu, tanan; sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (ngoại trừ: dự án sản xuất sơn, hóa chất cơ bản; dự án sản xuất thuốc phóng, thuốc nổ, dự án sản xuất thuốc nổ công nghiệp).

+ Sản xuất thuốc bảo vệ thực phẩm.

+ Sản xuất đồ nhựa gia dụng và cao cấp.

- Nhóm các dự án sản xuất giấy và văn phòng phẩm:

+ Sản xuất các mặt hàng giấy (không sử dụng bột giấy và giấy phế liệu).

+ Sản xuất văn phòng phẩm.

- Nhóm các dự án khác:

+ In ấn bao bì và các dịch vụ có liên quan (không bao gồm sản xuất mực in).

+ Sản xuất đồ chơi trẻ em.

+ Ấp trứng gia cầm.

+ Sản xuất hàng công nghệ phẩm.

+ Dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động của khu công nghiệp như cho thuê văn phòng, ngân hàng, bưu chính, viễn thông; dịch vụ kho bãi (bao gồm cả kho lạnh); vận chuyển, giao nhận, cung cấp thực phẩm; vệ sinh công nghiệp; dịch vụ thu gom và vận chuyển chất thải rắn, chất thải nguy hại đến nơi xử lý triệt để ngoài khu công nghiệp.

3. Quy hoạch sử dụng đất:

a) Phân khu chức năng:

Khu công nghiệp gồm có các khu chức năng như sau:

- Khu nhà máy, kho tàng (102,417ha):

+ Phân chia thành 7 lô, trong mỗi lô đất xây dựng nhà máy, kho tàng có quy mô diện tích khoảng từ 4ha đến 17ha:

* Lô A : 16,84ha:

Lô A-1: 5,78ha.

Lô A-2: 6,02ha.

Lô A-3: 5,04ha.

* Lô B : 26,282ha:

Lô B-1: 17,432ha.

Lô B-2: 8,850ha.

* Lô C : 6,649ha.

* Lô D : 7,885ha.

* Lô E : 11,505ha.

* Lô F : 17,456ha:

Lô F-1: 3,943ha.

Lô F-2: 5,810ha.

Lô F-3: 7,703ha.

* Lô G : 15,8ha.

+ Mật độ xây dựng trong từng nhà máy: $\leq 60\%$ tùy theo chiều cao xây dựng công trình.

+ Tầng cao xây dựng tối đa: 3 tầng và phải đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa các dãy nhà theo quy chuẩn quy hoạch xây dựng.

+ Tỷ lệ đất cây xanh trong khuôn viên lô đất xây dựng nhà máy: $\geq 20\%$.

+ Tầng cao xây dựng, mật độ xây dựng, khoảng lùi xây dựng tuân thủ theo quy chuẩn quy hoạch xây dựng.

- Khu xây dựng công trình hành chính, dịch vụ (3,937ha):

+ Mật độ xây dựng: $\leq 40\%$.

+ Tầng cao tối đa: 3 tầng và phải đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa các dãy nhà theo quy chuẩn xây dựng.

+ Tỷ lệ đất cây xanh trong khuôn viên lô đất xây dựng công trình: $\geq 30\%$.

+ Tầng cao xây dựng, mật độ xây dựng, khoảng lùi xây dựng tuân thủ theo quy chuẩn quy hoạch xây dựng.

- Khu xây dựng các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật (9,41ha):

+ Gồm trạm cấp điện, trạm cấp nước, trạm xử lý nước thải và bãi rác trung chuyển.

- Đất giao thông (18,843ha).

- Đất cây xanh (19,593ha):

+ Gồm đất cây xanh thảm cỏ và cây xanh cách ly, bố trí dọc theo các tuyến đường tạo thành dãy cây xanh dài bao phủ toàn khu công nghiệp, tạo cảnh quan và cách ly vệ sinh đối với khu lân cận, đồng thời điều hòa vi khí hậu cho khu công nghiệp.

- Mặt nước (14,3ha):

+ Gồm kênh T2 (rộng 16m), kênh T3 (rộng 12m), kênh Bảy Sung (rộng 16,5m), kênh Quốc Phòng (rộng từ 7m đến 15m) và các hồ điều hòa.

b) Cơ cấu quy hoạch sử dụng đất:

- Đất nhà máy, kho tàng : 102,417ha (60,78%).

- Đất công trình hành chính, dịch vụ: 3,937ha (2,34%).

- Đất các khu kỹ thuật : 9,41ha (5,58%).

+ Trạm cấp nước	: 0,70ha.	
+ Trạm cấp điện	: 0,15ha.	
+ Trạm xử lý nước thải	: 3,98ha.	
+ Bãi rác trung chuyển	: 4,58ha.	
- Đất giao thông	: 18,843ha	(11,18%).
- Đất cây xanh	: 19,593ha	(11,63%).
- Mặt nước	: 14,3ha	(8,49%).
Tổng cộng	: 168,5ha	(100%).

4. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

- San nền:

+ Cao độ nền không chế $H_{\min} = +3,8\text{m}$ (cao độ mặt đường).

+ Vật liệu san nền bằng đất và cát.

+ Trong quá trình triển khai san nền, đào 01 mương thoát nước ngang 2m, sâu 1m dọc theo ranh phía Nam khu công nghiệp dẫn vào kênh T2, T3 và kênh Bảy Sung để giải quyết thoát nước, đảm bảo không ngập úng nhà dân, ruộng lúa nằm trong phạm vi giữa đường tỉnh 831 (Quốc lộ N1) và khu vực quy hoạch.

+ Tại các hồ điều hòa, xung quanh hồ trồng các loại cây xanh có bộ rễ mang tính chất giữ đất, trồng thành các hàng, quần thể để chống sạt lở.

- Thoát nước mưa:

+ Hệ thống thoát nước mưa xây dựng riêng với hệ thống thoát nước thải.

+ Hướng thoát nước: Chia thành 14 lưu vực thoát nước ra kênh T2, kênh T3, kênh Quốc Phòng và kênh Bảy Sung.

+ Hệ thống thoát nước: Sử dụng hệ thống cống bê tông ly tâm chịu lực D400 và D600 đảm bảo thu và thoát nước mưa từ mặt đường, vỉa hè và công trình ra kênh theo hướng ngắn nhất.

b) Giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Đường tỉnh 831 (Quốc lộ N1), mặt cắt 8-8: mặt đường đôi rộng 16m x 2, dải cây xanh phân cách ở giữa rộng 6m, vỉa hè hai bên rộng 7m x 2, lộ giới 52m. Khoảng lùi tối thiểu so với chỉ giới đường đỏ là 15m.

- Giao thông đối nội:

+ Đường số 1, phía nam kênh Quốc Phòng (Mặt cắt 1-1): mặt đường rộng 7m, vỉa hè hai bên rộng 2m x 2, dải cây xanh bên phía khu công nghiệp rộng 6m, lộ giới 17m. Khoảng lùi tối thiểu so với chỉ giới đường đỏ là 6m (Bên phía khu công nghiệp).

+ Đường số 2 (Mặt cắt 2-2): dải cây xanh phân cách ở giữa rộng 3m, mặt đường đôi rộng 11,25m x 2, hai dải cây xanh phân cách hai bên rộng 1,5m x 2, hai đường song hành hai bên rộng 6m x 2, vỉa hè hai bên rộng 6m x 2, dải cây

xanh hai bên rộng 6m x 2, lộ giới 64,5m. Khoảng lùi tối thiểu so với chỉ giới đường đỏ là 6m.

+ Đường số 3 (Mặt cắt 5-5): mặt đường rộng 12m, vỉa hè hai bên rộng 2m x 2, dây cây xanh hai bên rộng 6m x 2, lộ giới 28m. Khoảng lùi tối thiểu so với chỉ giới đường đỏ là 6m.

+ Đường số 4 (Mặt cắt 12-12): mặt đường rộng 7m, vỉa hè hai bên rộng 2m x 2, dây cây xanh hai bên rộng 6m x 2, lộ giới 23m. Khoảng lùi tối thiểu so với chỉ giới đường đỏ là 6m.

+ Đường số 5 (Mặt cắt 3-3): mặt đường rộng 7m, vỉa hè hai bên rộng 2m x 2, dây cây xanh hai bên rộng 6m x 2, lộ giới 23m. Khoảng lùi tối thiểu so với chỉ giới đường đỏ là 6m.

+ Đường số 6 (Mặt cắt 7-7): mặt đường rộng 7m, vỉa hè hai bên rộng 2m x 2, dây cây xanh hai bên rộng 6m x 2, lộ giới 23m. Khoảng lùi tối thiểu so với chỉ giới đường đỏ là 6m.

+ Đường số 7, phía tây kênh Bảy Sung (Mặt cắt 11-11): mặt đường rộng 7m, vỉa hè hai bên rộng 2m x 2, dây cây xanh rộng 6m, lộ giới 17m. Khoảng lùi tối thiểu so với chỉ giới đường đỏ là 6m.

+ Đường số 8, phía đông kênh T2 (Mặt cắt 4-4): mặt đường chính rộng 11,25m, dây cây xanh phân cách ở giữa rộng 1,5m, mặt đường song hành rộng 6m, vỉa hè phía đông rộng 6m, vỉa hè phía tây (giáp kênh T2) rộng 3m, dây cây xanh rộng 6m, lộ giới 33,75m. Khoảng lùi tối thiểu so với chỉ giới đường đỏ là 6m.

+ Đường số 9, phía tây kênh T2 (Mặt cắt 4-4): mặt đường chính rộng 11,25m, dây cây xanh phân cách ở giữa rộng 1,5m, mặt đường song hành rộng 6m, vỉa hè phía tây rộng 6m, vỉa hè phía đông (giáp kênh T2) rộng 3m, dây cây xanh rộng 6m, lộ giới 33,75m. Khoảng lùi tối thiểu so với chỉ giới đường đỏ là 6m.

+ Đường số 10 (Mặt cắt 6-6): mặt đường rộng 12m, vỉa hè hai bên rộng 2m x 2, dây cây xanh hai bên rộng 6m x 2, lộ giới 28m. Khoảng lùi tối thiểu so với chỉ giới đường đỏ là 6m.

+ Đường số 11, phía đông kênh T3 (Mặt cắt 10-10): mặt đường rộng 12m, vỉa hè hai bên rộng 2m x 2, dây cây xanh rộng 6m, lộ giới 22m. Khoảng lùi tối thiểu so với chỉ giới đường đỏ là 6m.

+ Đường số 12, phía tây kênh T3 (Mặt cắt 10-10): mặt đường rộng 5m, vỉa hè hai bên rộng 2m x 2, lộ giới 9m.

c) Cấp điện:

- Nguồn điện: Từ trạm biến áp Mộc Hóa 110/22KV - (25+40) MVA, tuyến trung thế 22kV hiện hữu đi nổi dọc theo Quốc lộ 62 qua đường tỉnh 831 dẫn đến khu công nghiệp.

- Tiêu chuẩn cấp điện:

+ Đất xây dựng nhà máy : 250 kW/ha.

+ Đất hành chính, dịch vụ : 400 kW/ha.

+ Đất các khu kỹ thuật : 100 kW/ha.

+ Đất cây xanh : 10 kW/ha.

+ Đất giao thông : 10 kW/ha.

- Tổng điện năng: 112,433 triệu kWh/năm.

- Tổng công suất điện (kể cả tổn hao và dự phòng): 28.504 kW.

- Mạng lưới:

+ Lưới điện trung thế phân phối: Các tuyến trung thế đi nổi trên trụ bê tông ly tâm có chiều cao đảm bảo khoảng cách từ điểm thấp nhất của dây dẫn điện ở trạng thái võng cực đại đến mặt đất không nhỏ hơn 14m, khoảng cách trụ từ 40m đến 60m. Dung lượng và vị trí các trạm biến thế 22/0,4kV cấp điện hạ thế cho các nhà máy sẽ được xác định sau, tùy thuộc vào quy mô mỗi nhà máy.

+ Trong khu vực có tất cả 8 trạm hạ thế 3 pha 22/0,4kV với tổng công suất dự kiến là 640kVA, dùng để cấp điện hạ thế 220V cho đèn đường. Tuyến hạ thế chiếu sáng đường đi ngầm dưới vỉa hè, tại các vị trí băng ngang đường giao thông, cáp được luồn trong ống PVC chịu lực hay ống bê tông cốt thép đúc sẵn. Đèn đường là loại đèn cao áp sodium ánh sáng vàng cam, công suất 100W-120W, đặt trên trụ thép ống, cách khoảng trung bình 30 mét dọc theo vỉa hè các trục đường.

d) Cấp nước:

- Nguồn nước: Trong giai đoạn đầu sử dụng nguồn nước từ hệ thống giếng khoan hiện hữu trong khu kinh tế cửa khẩu Bình Hiệp (Công suất giai đoạn đầu là 600m³/ngày đêm, giai đoạn 2 là 8.000m³/ngày đêm). Về lâu dài, sử dụng nguồn nước từ Nhà máy Nước Bình Hiệp công suất đến năm 2020 là 10.000m³/ngày đêm, đến năm 2030 là 20.000m³/ngày đêm.

- Tiêu chuẩn cấp nước tính toán : 40 m³/Ha/ngày.

- Tổng nhu cầu dùng nước tính toán : 6.740 m³/ngày.

- Mạng lưới: Từ hệ thống giếng khoan hiện hữu trong khu kinh tế cửa khẩu Bình Hiệp dẫn về trạm cấp nước của khu công nghiệp bằng tuyến ống Ø168. Từ trạm cấp nước dẫn đến các công trình, nhà máy trong khu công nghiệp qua các tuyến ống cấp nước có đường kính Ø168, Ø114 và Ø90.

- Bố trí 27 trụ cứu hỏa dọc các trục đường trong khu công nghiệp, khoảng cách 150m/trụ .

đ) Thông tin liên lạc:

- Nguồn: Từ trạm viễn thông khu vực thị xã Kiến Tường.

- Chỉ tiêu thiết kế:

+ Đất khu nhà máy : 1.024 thuê bao (10 thuê bao/ha).

+ Đất khu hành chính - dịch vụ : 196 thuê bao (50 thuê bao/ha).

- + Đất các khu kỹ thuật : 47 thuê bao (5 thuê bao/ha).
- + Thuê bao dự phòng (10%) : 126 thuê bao.
- Tổng cộng thuê bao yêu cầu: 1.393 thuê bao.
- Mạng lưới: Toàn bộ mạng lưới đường dây thông tin liên lạc trong khu công nghiệp đặt ngầm.

e) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Hệ thống thoát nước thải xây dựng riêng với hệ thống thoát nước mưa.
- Tiêu chuẩn thoát nước thải: $32 \text{ m}^3/\text{Ha/ngày}$ (80% tiêu chuẩn nước cấp).
- Lưu lượng nước thải công nghiệp: $5.392 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Trạm xử lý nước thải có công suất: $Q = 6.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Mạng lưới: Bố trí các tuyến cống chuyên dùng D300, D400 và D500 thu gom nước thải từ các nhà máy, công trình đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.
- Nước thải từ các công trình hành chính, dịch vụ phải được xử lý bằng bể tự hoại trước khi thải ra hệ thống cống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp.
- Nước thải từ các nhà máy, xí nghiệp phải được xử lý cấp 1 ngay tại nơi sản xuất theo đúng quy định của Ban Quản lý khu công nghiệp trước khi thải ra hệ thống cống thu gom nước thải chung dẫn về trạm xử lý nước thải chung của khu công nghiệp.
- Nước thải sau khi xử lý tại khu xử lý tập trung của khu công nghiệp phải đạt Quy chuẩn Việt Nam QCVN 40:2011/BTNMT giới hạn A dẫn ra hồ điều hòa để kiểm soát trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là kênh T2.

*** Xử lý rác:**

- Tiêu chuẩn rác thải, chất thải rắn: 0,2 tấn/ha ngày đêm.
- Tổng lượng rác thải, chất thải rắn: 34 tấn/ngày đêm.
- Rác thải phải được phân loại riêng (hữu cơ, vô cơ); việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn phải tuân theo các quy định hiện hành về quản lý chất thải rắn, phù hợp với quy hoạch quản lý chất thải rắn của địa phương.
- Rác thải được thu gom về bãi rác trung chuyển của khu công nghiệp, sau đó vận chuyển đến khu xử lý rác thải tập trung theo quy định, không để rác ứ đọng làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.
- Đối với chất thải nguy hại, chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý tập trung theo quy định.

g) Cây xanh, mặt nước:

- Khu cây xanh tập trung kết hợp với hồ điều hòa tạo cảnh quan và điều hòa vi khí hậu cho khu công nghiệp.

- Bố trí dãy cây xanh rộng 6m dọc hai bên các tuyến đường trong khu công nghiệp.

- Trong từng nhà máy, kho tàng và công trình có ít nhất 20% diện tích đất trồng cây xanh.

- Trồng cây xanh lấy bóng mát như sao, dầu,... trên vỉa hè các trục đường trong khu công nghiệp, không trồng cây tại các vị trí làm che khuất tầm nhìn, tại các ngã đường giao nhau; không được làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông, không làm hư hại móng nhà và các công trình ngầm; không gây nguy hiểm, không làm ảnh hưởng tới vệ sinh môi trường.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND thị xã Kiến Tường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế và các ngành có liên quan công bố công khai đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp cửa khẩu Bình Hiệp (giai đoạn 1) trong Khu kinh tế cửa khẩu Long An, xã Bình Hiệp, xã Bình Tân; thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An theo quy định.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế có trách nhiệm ban hành Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp cửa khẩu Bình Hiệp (giai đoạn 1) trong Khu kinh tế cửa khẩu Long An.

3. UBND thị xã Kiến Tường và các ngành có liên quan thực hiện đúng theo các nội dung sau:

- Triển khai dự án đúng theo ranh giới, diện tích quy hoạch được duyệt. Đồng thời tổ chức lập trích đo bản đồ bản đồ địa chính khu công nghiệp trình Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt theo quy định.

- Lập thủ tục đấu nối giao thông của khu công nghiệp ra đường tỉnh 831 (Quốc lộ N1) theo quy định.

- Đảm bảo kết nối đồng bộ về quy mô, cao độ mặt đường của trục đường số 2 với Khu cửa khẩu Bình Hiệp ra Quốc lộ 62 (tuân thủ theo đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Long An, tỉnh Long An đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt).

- Đối với ngành nghề dệt nhuộm chỉ tiếp nhận 1 dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư với quy mô khoảng 15ha và phải sử dụng công nghệ hiện đại, nước thải sau khi xử lý tại nhà máy phải đạt theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 40:2011/BTNMT giới hạn A dẫn ra hồ điều hòa để kiểm soát trước khi thải ra môi trường tự nhiên.

- Hiện trạng có tuyến điện 22KV đi song song với đường tỉnh 831 cắt ngang khu hành chính dịch vụ. Do đó, khi triển khai thực hiện dự án, UBND thị xã Kiến Tường, Ban quản lý Khu kinh tế và các đơn vị có liên quan phải đảm bảo tuân thủ các quy định về hành lang an toàn lưới điện cao áp.

- Có giải pháp đảm bảo không làm ảnh hưởng đến các vấn đề thoát nước, vệ sinh môi trường, an toàn giao thông, hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện hữu của

khu vực, nhất là khu vực giữa đường tỉnh 831 và khu công nghiệp, đồng thời đảm bảo kết nối hạ tầng kỹ thuật xung quanh.

- Có giải pháp bền vững chống sạt lở và đảm bảo an toàn khu vực hồ điều hòa (các hầm đất hiện hữu).

- Có giải pháp phòng chống lũ và có tính đến hiện tượng biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Bảo đảm các yêu cầu về quốc phòng, an ninh khu vực biên giới (thỏa thuận với các cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh).

4. Ban Quản lý Khu kinh tế có trách nhiệm tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ việc triển khai các thủ tục, việc đầu tư xây dựng và các vấn đề về bảo vệ môi trường đúng theo quy định hiện hành.

5. Ủy ban nhân dân thị xã Kiến Tường phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế và các nhà đầu tư có trách nhiệm bố trí nhà ở cho công nhân làm việc trong khu công nghiệp; đồng thời, có giải pháp di dời tái định cư đối với các hộ dân trong khu vực quy hoạch theo quy định hiện hành.

6. UBND thị xã Kiến Tường phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế và các ngành có liên quan chi tiết tiến độ thực hiện đầu tư (3 tháng 1 lần) và phối hợp chặt chẽ với các ngành Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Điện lực, Cấp nước, Công trình đô thị và các ngành chức năng có liên quan để đảm bảo việc thực hiện công trình hạ tầng kỹ thuật phù hợp và đồng bộ với dự án đầu tư.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND thị xã Kiến Tường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - TT.HĐND, các Ban HĐND tỉnh;
 - CT, PCT UBND tỉnh;
 - Phòng KT (1+2);
 - Lưu: VT, SoXD, S.
- QHPK_KCN CK LA

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Cảnh